

Bản án số: 17/2019/HSST
Ngày: 24/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hải

2. Bà Nông Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 24 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Ngô Q, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/4/1990 tại huyện D, tỉnh Hà Nam; Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện tại: thôn Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 06/12 phổ thông; Con ông: Đỗ Văn Thắng, sinh năm 1954 (đã chết năm 1991); Con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1956, hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; Anh chị em ruột: Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ, con: Không có;

Tiền sự: Ngày 06/9/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ra quyết định số 1025/QĐ-UBND về việc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Đỗ Ngô Q bỏ trốn nên ngày 18/9/2013 Công an huyện D, tỉnh Hà Nam ra quyết định truy tìm số 02/QĐ-TT.

Tiền án:

- Ngày 19/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

- Ngày 25/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo Đỗ Ngô Q đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn trong vụ án khác kể từ ngày 10/8/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/4/1996 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện tại: thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (đã chết); Con bà: Bùi Thị C, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Anh chị em ruột: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Không có;

Tiền sự: Không ;

Tiền án: Ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Buôn bán hàng cấm (Bản án này bị cáo chưa chấp hành án phạt tù).

Nhân thân: Ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm 06 tháng tù về các tội Cướp tài sản, Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn H đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn trong vụ án khác kể từ ngày 10/8/2018. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Hoàng Duy H - Sinh năm : 1996.

Trú tại: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt khi tuyên án.

2. Trương Văn T – Sinh năm : 1991.

Trú tại: Xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt khi tuyên án.

3. Hoàng Văn V - Sinh năm : 1988.

Trú tại : Xóm N, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt khi tuyên án.

4. Bé Trung N

Trú tại: Tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

5. Đoàn Thị S - Sinh năm : 1969.

Trú tại: SN S, tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt khi tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lô Trung N

Trú tại: Tổ H, D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Nông Thị X – Sinh năm : 1990.

Trú tại: Xóm N, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt khi tuyên án.

3. Hoàng Thị H– Sinh năm : 1968.

Trú tại: Xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng ngày 27/4/2018, Hoàng Duy H (Sinh năm 1996; Hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) mang giấy đăng ký xe máy Honda Sh125i, biển kiểm soát 11K1-098.3C của H đến cầm với Đỗ Ngô Q (Sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đì, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam) để vay số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), lãi suất 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*)/1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/ngày. Đến ngày 10/5/2018, do cần tiền để cho người khác vay lấy lãi nên Q đề nghị H lấy giấy đăng ký xe máy 11K-098.3C đi cầm ở chỗ khác lấy tiền cho Q vay. H đồng ý và cùng Q lấy giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của H đi cầm với Lô Trung N (Sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Tổ H, D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) tại hiệu cầm đồ Đ vay được số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*). Số tiền này H đã đưa cho Q 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), vay lại Q 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để tiêu sài cá nhân. Ngày 18/5/2018, H đã trả lại cho Q đủ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Sau khi nhận tiền từ H, khách hàng hỏi vay tiền Q trước đó không vay nữa, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) nên không đem tiền trả lại cho H mà dùng để chơi lô đề và mua ma túy đá về sử dụng hết.

Đến ngày 19/5/2018, vì cần tiền để trả nợ, chơi lô đề và sử dụng ma túy đá, Q tiếp tục bảo H lấy chiếc xe máy Honda Sh125i, biển kiểm soát 11K1-098.3C của H đi cầm lấy tiền cho Q vay. Để cho H tin tưởng, Q đã nói dối là lấy tiền đi làm ăn, để cho khách vay và hứa hẹn với H ngay trong tối ngày 19/5/2018, Q sẽ chuộc lại cả xe và các loại giấy tờ cho H. Vì tin lời Q nên khoảng 20 giờ cùng ngày, H và Q mang xe máy 11K1-098.3C lên thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng cầm với Lô Trung N được số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). N đưa cho Q 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) còn 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) N giữ lại để tính lãi. Sau đó H và Q đi taxi về thành phố C. Khi đến gần phòng trọ của Q ở khu vực kmB, phường Đ, thành phố C, Q bảo H đợi ở ngoài để Q đi lấy tiền khách hẹn trả rồi cùng nhau đi chuộc lại xe máy và giấy tờ cho H nhưng Q bỏ đi luôn. H đã nhiều lần liên lạc đòi Q đi chuộc lại xe máy và giấy tờ cho H nhưng Q chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Số tiền chiếm đoạt được từ H, Q đã đem trả nợ cho Đàm Hoàng H (Sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), phần còn lại Q chơi lô đề và mua ma túy đá về sử dụng hết.

Vào tháng 7/2018, Đỗ Ngô Q đã tự mình trộm cắp 01 (Một) chiếc xe máy để lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể: Khoảng 02 giờ ngày 02/7/2018, Đỗ Ngô Q sử dụng một chiếc kéo bằng kim loại (đã cắt một đầu nhọn và mài sắc) để mở khóa, lấy trộm chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 11B1-261.9S của ông Trương Văn T (Sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng) để tại sân dây nhà trọ gần nhà nghỉ D thuộc tổ S, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi lấy trộm xe, Q tháo phần chắn bùn gần biển số xe vứt xuống vực ở đèo T (quốc lộ B đường Cao Bằng-Hà Nội), rồi đi chiếc xe trên về nhà của Nguyễn Văn H (Sinh năm 1996; Hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) nhờ H bán. Do không biết

chiếc xe trên là tài sản Q trộm cắp mà có nên H nhận lời rao bán xe giúp Q. H đã đăng bài bán xe máy vào nhóm “Mua bán xe máy cũ huyện Y, Vĩnh Phúc” trên Facebook thì thấy nick “xemaycamdo” vào hỏi mua. Sau khi thỏa thuận giá cả, người khách mua xe yêu cầu H mang xe ra thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để giao xe và nhận tiền. Số tiền bán xe 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) H đã đưa hết cho Q.

Khoảng một tuần sau, Q rủ H lên thành phố C, tỉnh Cao Bằng để trộm cắp xe máy. H đồng ý và cùng Q chuẩn bị các dụng cụ như kim cộng lực, cờ lê, tua vít, kìm, dây kim loại, vạm phá khóa để mở khóa xe. Từ ngày 09/7/2018 đến ngày 29/7/2018, Q và H đã cùng nhau thực hiện 03 (*Ba*) vụ trộm cắp xe máy Exciter, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 09/7/2018, H chở Q bằng xe máy biển kiểm soát 88L1-375.5K của H từ Vĩnh Phúc lên thành phố C. Khoảng 0h ngày 10/7/2018, H và Q đến dãy phòng trọ tại tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. H dùng xe ở ngoài cảnh giới, còn Q dùng kim cộng lực cắt khóa cổng của dãy nhà trọ rồi đi vào trong sân, dắt chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 11L1-079.2C của ông Hoàng Văn V (Sinh năm 1988, Trú tại: Xóm N, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng) ra ngoài đường rồi cùng H dùng dây dẫn điện để nổ máy xe. Sau đó Q điều khiển xe lấy trộm được còn H điều khiển xe của H về Vĩnh Phúc. Trên đường đi, Q cùng H tháo phần chắn bùn gắn biển số 11L1-079.2C vớt ở khu vực đèo T. Khi về Vĩnh Phúc, H rao bán chiếc xe trên Facebook. Ban đầu H thỏa thuận với người mua xe về giá bán là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) nhưng bị người mua xe bớt lại 300.000 đồng (*Ba triệu đồng*) nên H chỉ nhận được số tiền 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Số tiền trên H chia cho Quý 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) còn lại H giữ.

Vụ thứ hai: Ngày 25/7/2018, H chở Q bằng xe của H từ Vĩnh Phúc lên thành phố C để tìm trộm cắp xe máy. Khoảng 05 giờ ngày 26/7/2018, H và Q đến khu vực tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. H đợi ở chân dốc lên nhà của Bé Trung N (Tên gọi khác “mỡm nhôm”; Sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: Tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) để cảnh giới cho Q, còn Q một mình đi lên nhà N để trộm xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 11B1-243.0N của N. Chiếc xe được N để ở ngoài sân, cạnh nhà, có khóa cổ nên Q dùng vạm tự chế để phá ổ khóa xe. Sau đó, Q điều khiển chiếc xe vừa trộm được cùng H điều khiển xe của H đi về Vĩnh Phúc. Trên đường đi, Q và H tháo phần chắn bùn gắn biển số 11B1-243.0N vớt ở khu vực đèo T. Về đến Vĩnh Phúc, H rao bán chiếc xe trên mạng. Ban đầu H thỏa thuận với người mua xe về giá bán là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) nhưng bị người mua xe bớt lại tiền nên H chỉ nhận được số tiền 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Số tiền bị trừ bớt H và Q thỏa thuận là do Q chịu nên H chia cho Q 5.700.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm nghìn đồng*) còn lại H giữ.

Vụ thứ ba: Ngày 28/7/2018, Q tiếp tục chở H lên thành phố C để tìm trộm cắp xe máy. Khoảng 01 giờ ngày 29/7/2018, Q và H đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của bà Đoàn Thị S (sinh năm 1969) tại tổ M, phường S, thành phố C,

tỉnh Cao Bằng. H dùng xe ở ngoài cảnh giới cho Q, còn Q dùng kìm cộng lực để mở khóa cửa rồi đi vào trong cửa hàng dắt ra ngoài đường chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 11B1-142.8H rồi cùng H dùng dây kim loại nối điện để nổ máy xe. Sau khi lấy được xe, Q điều khiển xe 11B-142.8H mang đi cất giấu ở khu vực gần đường tròn kmN, phường Đ. H đi xe máy của H theo sau và chờ Q quay lại cửa hàng xe máy lấy tiếp chiếc xe Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, biển kiểm soát 11B1-257.8M. Chiếc xe này H và Q đem cất giấu ở đoạn kmM đường Quốc lộ B, gần khách sạn K (thuộc địa phận xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng). Sau đó, Q và H quay lại cửa hàng của bà S tiếp tục lấy trộm xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 11B1-173.4B, đem cất giấu trong một ngôi nhà hoang ven đường đoạn kmB đường Quốc lộ B thuộc đèo T. Sau khi cất giấu xe xong, H chờ Q quay lại lấy chiếc xe máy đầu tiên đang cất giấu gần đường tròn kmN, phường Đ đem về để ở nhà hoang cùng xe máy 11B1- 173.4B. Sau đó cả hai quay lại chỗ chiếc xe 11B1-257.8M để lấy xe, rồi cùng nhau điều khiển xe về nhà H ở Vĩnh Phúc. Trên đường đi, H và Q tháo phần chắn bùn gắn biển số 11B1-257.8M vứt ở khu vực đèo T. Chiếc xe này Q đã gắn biển kiểm soát 24S1- 003.6N (Trước đó Q mua ở một cửa hàng chuyên thu mua xe máy cũ hỏng, không còn sử dụng được ở huyện V, Vĩnh Phúc với giá khoảng 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*) để làm phương tiện đi lại). Đến buổi tối cùng ngày, Q và H hẹn nhau đi xe khách lên thành phố C để lấy nốt hai chiếc xe máy giấu ở nhà hoang. Khoảng 04 giờ ngày 30/7/2018, Q gặp H ở nơi giấu xe rồi cùng nhau tháo phần chắn bùn có gắn biển số của hai chiếc xe trộm được. Sau đó mỗi người điều khiển một chiếc xe máy về nhà H. Khi về Vĩnh Phúc, H và Q lấy hai chiếc xe trên đi bán. Số tiền bán xe thỏa thuận ban đầu là mỗi xe giá 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) nhưng do người mua xe bớt lại số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) nên H chỉ nhận được số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*). Do trước đó H đã bỏ ra số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) để sửa chữa hai chiếc xe trên nên H giữ lại 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) và chia cho Q 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*). Toàn bộ số tiền có từ việc bán xe máy trộm được, Q và H đã tiêu sài hết.

Ngày 09/8/2018, Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H bị công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản. Vật chứng thu giữ: 01 (*Một*) xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, gắn biển kiểm soát 24S1-003.6N; 01 (*Một*) ba lô màu đen có kìm cộng lực, cờ lê, tua vít, kìm, dây kim loại và văm phá khóa. Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã bàn giao chiếc xe trên cho Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-TCKH ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Bằng kết luận:

- Giá trị còn lại của chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 11B1-261.9S là 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*);

- Giá trị còn lại của chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 11L1-079.2C là 35.242.500 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*);

- Giá trị còn lại của chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 11B1-243.0N là 37.592.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm chín hai nghìn đồng*);

- Giá trị còn lại của chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 11B1-142.8H là 23.495.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*);

- Giá trị còn lại của chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, biển kiểm soát 11B1-257.8M là 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*);

- Giá trị còn lại của chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 11B1-173.4B là 28.194.000 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản còn lại là 204.406.500 đồng (*Hai trăm linh tư triệu bốn trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 84/CT-VKSTP ngày 13/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đỗ Ngô Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Ngô Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận đối với số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) bị cáo chiếm đoạt ngày 10/5/2018 của Hoàng Duy H do có một người phụ nữ gọi điện thoại hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) nên bị cáo đã bảo H mang đăng ký xe máy, chứng minh thư nhân dân cũng như hộ khẩu của H đi cầm để vay tiền cho bị cáo vay. Khi bị cáo có tiền thì người phụ nữ đó không vay nữa bởi đã vay được ở chỗ khác nên bị cáo giữ lại tiền để xem có ai vay không. Khi không ai vay nữa bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) nên không đem tiền trả lại cho H và dùng số tiền đó chơi lô đề và mua ma túy đá về sử dụng. Đối với số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) bị cáo thừa nhận là do cần tiền trả nợ, chơi lô đề cũng như mua ma túy về sử dụng nên bị cáo đã nói dối H là cần tiền để cho người khác vay lấy lãi để H mang chiếc xe máy đi cầm lấy tiền cho bị cáo vay. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của H là 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) và bị cáo nhất trí bồi thường số tiền này cho H.

Đối với hành vi trộm cắp xe máy, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì đối với Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-TCKH ngày 28/8/2018 của Hội đồng

định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Bằng về giá trị còn lại của những chiếc xe máy bị cáo đã trộm cắp. Đối với chiếc xe máy bị cáo đã trộm của Trương Văn T, bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại T giá trị chiếc xe máy theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận. Đối với 05 (Năm) chiếc xe máy bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp cùng với bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo nhất trí cùng bị cáo H bồi thường cho các bị hại và bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị mỗi chiếc xe theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì đối với Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-TCKH ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Bằng về giá trị của 05 (Năm) chiếc xe máy bị cáo đã trộm cắp cùng bị cáo Đỗ Ngô Q. Bị cáo nhất trí cùng bị cáo Đỗ Ngô Q bồi thường cho các bị hại và bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị mỗi chiếc xe theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận.

Tại phiên tòa, bị hại Hoàng Duy H trình bày lý do bị cáo Q nói với H trước khi bảo H mang xe cũng như các giấy tờ khác đi cầm là Q vay tiền để đi làm ăn (cho người khác vay để tính lãi). Về trách nhiệm dân sự, ông H yêu cầu bị cáo Đỗ Ngô Q bồi thường cho ông số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*). Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bị hại Trương Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Ngô Q. Về trách nhiệm dân sự, ông T yêu cầu bị cáo Đỗ Ngô Q bồi thường cho ông giá trị chiếc xe máy đã trộm theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận là 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*). Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bị hại Hoàng Văn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, ông V yêu cầu bị cáo Đỗ Ngô Q và bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho ông giá trị chiếc xe máy đã trộm theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận là 35.242.500 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông V còn yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) do ông không có phương tiện đi lại kể từ sau khi bị mất xe.

Lời khai của bị hại Bế Trung N tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông N vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự ông N yêu cầu bị cáo Đỗ Ngô Q và bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho ông giá trị chiếc xe máy đã trộm theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận là 37.592.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bị hại Đoàn Thị S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bà S yêu cầu bị cáo Đỗ Ngô Q và bị cáo Nguyễn

Văn H bồi thường cho bà giá trị 02 (Hai) chiếc xe máy đã trộm theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận là 51.689.000 đồng (Năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) (Chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đỏ biển kiểm soát 11B1-142.8H có giá là 23.495.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng), chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 11B1-173.4B có giá là 28.194.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng)). Về trách nhiệm hình sự, bà S đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, biển kiểm soát 11B1-257.8M cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã thu hồi và trả lại cho bà. Bà đã bỏ ra một số tiền để sửa chữa lại chiếc xe tuy nhiên bà không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền này. Đối với biển kiểm soát xe mô tô 11B1-173.4B và biển kiểm soát 11B1- 142.8H bà không có yêu cầu nhận lại.

Lời khai tại cơ quan điều tra của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Trung N hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông N xác nhận đã nhận lại số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) do bị hại Hoàng Duy H trả để chuộc lại chiếc xe máy của H theo biên bản thỏa thuận giữa ông và H. Ngoài ra, ông N không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị X hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo. Bà yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông V giá trị chiếc xe đã trộm theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo. Bà yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông T giá trị chiếc xe theo giá mà Hội đồng định giá đã kết luận. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đỗ Ngô Q, tuyên bố bị cáo Đỗ Ngô Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Đỗ Ngô Q từ 08 năm đến 09 năm tù về tội trộm cắp tài sản; từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tổng hợp hình phạt khi tuyên án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Đỗ Ngô Q phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hoàng Duy H số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Đỗ Ngô Q phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Văn T số tiền 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*).

- Buộc các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Hoàng Văn V số tiền 35.242.500 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Bị hại Hoàng Văn V yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu của mình.

- Buộc các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Bé Trung N số tiền 37.592.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

- Buộc các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đoàn Thị S số tiền 51.689.000 đồng (*Năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa nhãn hiệu STING, thể tích 330ml, bên trong có chất lỏng màu hồng, phần nắp chai bằng nhựa màu đỏ, được đục 02 (hai) lỗ tròn có cắm 01 (một) ống hút màu xanh dương và 01 (một) ống hút màu xanh lá cây gắn liền với ống hút màu trắng; 01 (một) túi ni lông trong suốt hình chữ nhật, KT 3,2cm x 02cm; 01 (một) biển kiểm soát 24S1-003.6N.

Tại phiên tòa, bị hại Đoàn Thị S không yêu cầu nhận lại biển kiểm soát xe mô tô 11B1-173.4B và biển kiểm soát 11B1-142.8H nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo Đỗ Ngô Q không có ý kiến gì còn bị cáo Nguyễn Văn H gửi lời xin lỗi đến các bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của của

Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

* Đối với bị cáo Đỗ Ngô Q:

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKSTP ngày 13/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đỗ Ngô Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) bị cáo chiếm đoạt vào ngày 10/5/2018; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) bị cáo chiếm đoạt vào ngày 19/5/2018.

Đối với số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) bị cáo chiếm đoạt của Hoàng Duy H vào ngày 10/5/2018, tại cơ quan điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều cho rằng, do cần tiền để cho người khác vay lấy lãi cụ thể là một người phụ nữ đã gọi điện hỏi vay bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) nên ngày 10/5/2018 bị cáo mới đề nghị H lấy giấy đăng ký xe máy 11K1- 098.3C đi cầm ở chỗ khác lấy tiền cho bị cáo vay. H đồng ý và cùng bị cáo lấy giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của H đi cầm với Lô Trung N được số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*). Số tiền này bị cáo cầm 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và H vay lại bị cáo 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ngày 18/5/2018, H đã trả lại cho bị cáo đủ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Sau khi nhận tiền từ H, khách hàng hỏi vay tiền bị cáo trước đó không vay nữa nên bị cáo giữ lại tiền để xem có ai vay không. Khi không ai vay nữa bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) nên không đem tiền trả lại cho H. Bị cáo khẳng định bị cáo không biết họ tên cũng như địa chỉ cụ thể của người phụ nữ đã gọi điện hỏi vay tiền. Bị cáo chỉ biết người phụ nữ đó biết đến bị cáo thông qua một người đàn ông tên “T” và người đàn ông này bị cáo cũng không biết họ tên đầy đủ do chỉ gặp vài lần tại quán nước.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị cáo Q khai bị cáo lấy tiền về cho người phụ nữ khác vay cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng không làm rõ được và bản thân bị cáo ngoài lời khai tại cơ quan điều tra, lời trình bày tại phiên tòa về người phụ nữ đã gọi điện thoại hỏi vay tiền cũng như lời khai liên quan đến T người mà bị cáo cho rằng đã giới thiệu người phụ nữ vay tiền cho bị cáo, bị cáo cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bị cáo và người phụ nữ bị cáo đã trình bày. Việc bị cáo khai như vậy nhằm mục đích chối tội. Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo vào ngày 10/5/2018 đối với số tiền 23.000.000 đồng (*Hai*

mười ba triệu đồng) không thỏa mãn cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố.

Đến ngày 19/5/2018, vì cần tiền để trả nợ, chơi lô đề và sử dụng ma túy đá, bị cáo Q tiếp tục nói dối H là lấy tiền đi làm ăn (cho người khác vay để tính lãi) và hứa hẹn ngay trong tối ngày 19/5/2018 sẽ chuộc lại cả xe và các loại giấy tờ cho H. Vì tin lời Q nên H và Q đã mang xe máy cầm với Lô Trung N được số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). N đưa cho bị cáo Q 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) còn 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) N giữ lại để tính lãi. Sau đó, H và bị cáo đi taxi về thành phố C. Khi đến gần phòng trọ của bị cáo Q ở khu vực kmB, phường Đ, thành phố C, bị cáo bảo H đợi ở ngoài để bị cáo đi lấy tiền khách hẹn trả rồi cùng nhau đi chuộc lại xe máy và giấy tờ cho Hiếu nhưng bị cáo bỏ đi luôn. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo đã đem trả nợ, phần còn lại chơi lô đề và mua ma túy đá về sử dụng hết.

Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay bị hại Hoàng Duy H đều trình bày và xác nhận lý do mà bị cáo Q đưa ra trong cả 02 lần khi bảo H mang giấy tờ đăng ký xe cũng như chiếc xe đi cầm đều là Q vay tiền để đi làm ăn (cho người khác vay để tính lãi).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Hoàng Duy H, bị cáo Đỗ Ngô Q đã nài ra lý do có khách hàng hỏi vay tiền để H lấy chiếc xe máy Honda Sh125i, biển kiểm soát 11K1- 098.3C, giấy đăng ký xe máy, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của H đi cầm với Lô Trung N vay được lần 01 vào ngày 10/5/2018 số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*), lần 02 vào ngày 19/5/2018 số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*). Tổng số tiền chiếm đoạt 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) này bị cáo dùng để trả nợ, chơi lô đề và mua ma túy đá về sử dụng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo vào ngày 10/5/2018 và ngày 19/5/2018 đã thỏa mãn cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cũng như qua việc thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy về bản chất cả hai lần bị cáo Q chiếm đoạt tài sản của bị hại H đều là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử bị cáo Q về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) là đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại khoản 1 Điều 174 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù, tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại khoản 1 Điều

175 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Như vậy, khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 bằng khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 175. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử bị cáo Đỗ Ngô Q theo tội danh khác với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố mà không cần trả hồ sơ điều tra bổ sung trước khi tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, bị cáo Đỗ Ngô Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 06 (*sáu*) chiếc xe máy Yamaha Exciter vào các ngày 02/7/2018, ngày 10/7/2018, ngày 26/7/2018 và ngày 29/7/2018 (trong đó bị cáo tự mình trộm 01 chiếc xe, 05 chiếc xe kia bị cáo thực hiện cùng với bị cáo Nguyễn Văn H). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-TCKH ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có tổng giá trị là 204.406.500 đồng (*Hai trăm linh tư triệu bốn trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng*) nên hành vi của bị cáo đã vi phạm vào điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đỗ Ngô Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

* Đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

Tại cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ, bản ảnh hiện trường; lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bản kết luận định giá tài sản; vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, trong các ngày 10/7/2018, ngày 26/7/2018 và ngày 29/7/2018 bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 05 (*Năm*) chiếc xe máy Yamaha Exciter cùng với bị cáo Đỗ Ngô Q. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung 2017). Theo Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-TCKH ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có tổng giá trị là 164.465.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) nên hành vi của bị cáo đã vi phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy

tổ bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến 03 năm:

a)...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...”

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...”

[3] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo Đỗ Ngô Q:

Về nhân thân: bị cáo là người nghiện ma túy và là người có nhân thân xấu. Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 06/9/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ra quyết định số 1025/QĐ-UBND về việc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Đỗ Ngô Q bỏ trốn nên ngày 18/9/2013 Công an huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam ra quyết định truy tìm số 02/QĐ-TT. Ngoài ra, bị cáo đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản; ngày 19/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 25/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho cả hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với tội “Trộm cắp tài sản”, tài sản bị cáo chiếm đoạt vào các ngày 02/7/2018, ngày 10/7/2018, ngày 26/7/2018 và ngày 29/7/2018 đều trên 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nên bị cáo còn có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo đã 02 lần bị kết án; ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về các tội cướp tài sản, trộm cắp tài sản; ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội buôn bán hàng cấm (Bản án này bị cáo chưa chấp hành án phạt tù). Bị cáo đã được cải tạo, giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt vào các ngày 10/7/2018, ngày 26/7/2018 và ngày 29/7/2018 đều trên 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) nên bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về vai trò của các bị cáo trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản:

Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Q là người rủ rờ, là người trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Còn bị cáo H là người chở bị cáo Q đi và cảnh giới cho Q khi Q thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi lấy trộm được xe máy H sẽ là người tìm nơi tiêu thụ. Như vậy, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5] Về hình phạt chính: tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đỗ Ngô Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*); đề nghị mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và mức hình phạt từ 12 tháng đến 15 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản”. Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị mức hình phạt như vậy đối với từng tội danh mà bị cáo bị truy tố là chưa xem xét đến tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” của bị cáo Q. Tình tiết tăng nặng đó phải được áp dụng với cả hai tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố.

Bên cạnh đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đỗ Ngô Q về hai tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” khi không làm rõ được việc bị cáo cho người khác vay tiền là làm xấu đi tình trạng của bị cáo khi quyết định về hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử hành vi chiếm đoạt số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) của bị cáo Đỗ Ngô Q về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” là đúng với bản chất hành vi bị cáo gây ra. Hình phạt mà Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tuyên phạt đối với bị cáo Đỗ Ngô Q đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật cũng như không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị đối với bị cáo Đỗ Ngô Q về tội trộm cắp tài sản từ 08 năm đến 09 năm; bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 năm đến 07 năm, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đối với hai bị cáo là phù hợp với nhân thân của các bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) các bị cáo Đỗ Ngô Q, Nguyễn Văn H còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đến 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) bị cáo Đỗ Ngô Q còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo Đỗ Ngô Q chiếm đoạt của bị hại Hoàng Duy H là số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*). Tại phiên tòa, bị hại H yêu cầu bị cáo Q có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trên. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có cơ sở nên cần buộc bị cáo Đỗ Ngô Q có trách nhiệm trả cho bị hại H số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*).

Tài sản bị cáo Đỗ Ngô Q tự mình thực hiện việc trộm cắp là chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 11B1-261.9S của ông Trương Văn T. Chiếc xe này bị cáo Q đã nhờ bị cáo Nguyễn Văn H bán và hiện nay không thu hồi được. Tại phiên tòa, ông Trương Văn T yêu cầu bị cáo Đỗ Ngô Q có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe theo như kết luận của Hội

đồng định giá là 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị hại là có cơ sở nên cần buộc bị cáo Đỗ Ngô Q có trách nhiệm bồi thường cho ông Trương Văn T số tiền 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Tài sản các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H trộm cắp của ông Hoàng Văn V là chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 11L1- 079.2C. Chiếc xe này các bị cáo đã bán và hiện nay không thu hồi được. Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn V yêu cầu các bị cáo Đỗ Ngô Q, Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe theo như kết luận của Hội đồng định giá là 35.242.500 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Các bị cáo nhất trí bồi thường cho ông V và thỏa thuận mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cụ thể bị cáo Đỗ Ngô Q phải bồi thường 17.621.250 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*); bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường 17.621.250 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*). Xét thỏa thuận trên của các bị cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, ngoài yêu cầu các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 35.242.500 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*), ông V còn yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) do ông không có phương tiện đi lại kể từ sau khi bị mất xe. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù đưa ra yêu cầu bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tuy nhiên tại phiên tòa ông V không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông có căn cứ. Bên cạnh đó, sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích ông V đã rút yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Tài sản các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H trộm cắp của ông Bé Trung N là chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 11B1-243.0N. Chiếc xe này các bị cáo đã bán và hiện nay không thu hồi được. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Bé Trung N yêu cầu các bị cáo Đỗ Ngô Q, Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe theo như kết luận của Hội đồng định giá là 37.592.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm chín hai nghìn đồng*). Các bị cáo nhất trí bồi thường cho ông N và thỏa thuận mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cụ thể bị cáo Đỗ Ngô Q phải bồi thường 18.796.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường 18.796.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Xét thỏa thuận trên của các bị cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tài sản các bị cáo Đỗ Ngô Q và Nguyễn Văn H trộm cắp của bà Đoàn Thị S là chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 11B1- 142.8H và chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 11B1- 173.4B. Hai chiếc xe máy này các bị cáo đã bán và hiện nay không thu hồi được. Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị S yêu cầu các bị cáo Đỗ Ngô Q, Nguyễn Văn H có trách

nhệm bồi thường giá trị hai chiếc xe theo như kết luận của Hội đồng định giá. Chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đỏ biển kiểm soát 11B1-142.8H có giá là 23.495.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) còn chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 11B1-173.4B có giá là 28.194.000 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng*). Tổng số tiền bà S yêu cầu là 51.689.000 đồng (*Năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Các bị cáo nhất trí bồi thường cho bà S và thỏa thuận mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị mỗi chiếc xe cụ thể bị cáo Đỗ Ngô Q phải bồi thường 25.844.500 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường 25.844.500 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*). Xét thỏa thuận trên của các bị cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, biển kiểm soát 11B1-257.8M cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã thu hồi và trả lại cho bà Đoàn Thị S theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 09/11/2018. Bà Đoàn Thị S đã bỏ ra một số tiền để sửa chữa lại chiếc xe này tuy nhiên bà không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bà đã bỏ ra để sửa xe nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với chiếc xe máy này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Trung N và bị hại Hoàng Duy H đã thỏa thuận với nhau về việc H trả cho N số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) để lấy lại chiếc xe máy Honda Sh125i, biển kiểm soát 11K1-098.3C (Biên bản thỏa thuận ngày 13/8/2018). N đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 13/8/2018, Lô Trung N và Hoàng Duy H đã cùng nhau thỏa thuận giải quyết về chiếc xe máy Honda Sh125i, biển kiểm soát 11K1-098.3C. H đồng ý trả cho Lô Trung N số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*) để lấy lại xe. Xét thấy việc trả xe không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, cơ quan điều tra công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã trả chiếc xe và giấy tờ liên quan (gồm 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hoàng Duy H và 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Hoàng Văn K - bố của Hoàng Duy H) cho chủ sở hữu là Hoàng Duy H theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17/8/2018. Việc trả lại xe và các giấy tờ này của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ pháp luật.

Đối với vật chứng vụ án gồm 01 (một) chai nhựa nhãn hiệu STING, thể tích 330ml, bên trong có chất lỏng màu hồng, phần nắp chai bằng nhựa màu đỏ, được đục 02 (hai) lỗ tròn có cắm 01 (một) ống hút màu xanh dương và một ống hút màu xanh lá cây gắn liền với ống hút màu trắng; 01 (một) túi ni lông trong suốt hình chữ nhật, KT 3,2cm x 02cm mà cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thu giữ ngày 26/6/2018 tại phòng nghỉ của Đỗ Ngô Q tại nhà nghỉ M thuộc tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng cần tịch thu, tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ, gắn biển kiểm soát 24S1-003.6N, Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã bàn giao chiếc xe trên cho Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Qua điều tra xác định đây chính là chiếc xe máy biển kiểm soát 11B1-257.8M các bị cáo Q và H lấy trộm ngày 29/7/2018 tại cửa hàng xe máy cũ của bà Đoàn Thị S. Xét việc trả lại xe không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã trả lại xe cho bà Đoàn Thị S theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 09/11/2018. Việc trả lại chiếc xe này của Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho bà Đoàn Thị S là có căn cứ pháp luật.

Đối với số tài sản gồm 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô 11B1-173.4B và 01 (Một) chắn bùn xe bằng nhựa màu đen gắn biển kiểm soát 11B1-142.8H tại phiên tòa bà Đoàn Thị S không yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu, tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 (Một) biển kiểm soát 24S1- 003.6N do Q gắn vào xe máy lấy trộm cần tịch thu, tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

Về tổng hợp hình phạt: Bản án số 91/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội buôn bán hàng cấm. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa chấp hành án phạt tù nên sau khi quyết định hình phạt của tội mới sẽ tổng hợp với hình phạt của bản án số 91/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Ngô Q không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo Đỗ Ngô Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đỗ Ngô Q.

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngô Q 08 (Tám) năm tù về tội Trộm cắp tài sản; 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đỗ Ngô Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (Mười) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ

ngày 10/8/2018. (Bị cáo Đỗ Ngô Q đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn theo lệnh tạm giam số 01/LTG-VKSNS ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn).

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (Sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù tại Bản án số 91/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 10/8/2018. (Bị cáo Nguyễn Văn H đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn theo lệnh tạm giam số 02/LTG-VKSNS ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Đỗ Ngô Q có trách nhiệm bồi thường cho ông Hoàng Duy H (Trú tại: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) số tiền 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Đỗ Ngô Q có trách nhiệm bồi thường cho ông Trương Văn T (Trú tại: Xóm B, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng) số tiền 39.941.500 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường giữa các bị cáo đối với các bị hại cụ thể như sau:

+ Bị cáo Đỗ Ngô Q và bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Hoàng Văn V (Trú tại : Xóm N, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng) số tiền 35.242.500 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*) trong đó bị cáo Đỗ Ngô Q bồi thường số tiền 17.621.250 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*), bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 17.621.250 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Bị cáo Đỗ Ngô Q và bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Bế Trung N (Trú tại: Tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 37.592.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm chín hai nghìn đồng*) trong đó bị cáo Đỗ Ngô Q bồi thường số tiền 18.796.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 18.796.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

+ Bị cáo Đỗ Ngô Q và bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho bà Đoàn Thị S (Trú tại: SN 06, tổ 01, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) số tiền 51.689.000 đồng (*Năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng*) trong đó bị cáo Đỗ Ngô Q bồi thường số tiền 25.844.500 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm*

đồng), bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 25.844.500 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử:

Tịch thu, tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng:

- 01 (Một) chai nhựa nhãn hiệu STING, thể tích 330ml, bên trong có chất lỏng màu hồng, phần nắp chai bằng nhựa màu đỏ, được đục 02 (Hai) lỗ tròn có cắm 01 (Một) ống hút màu xanh dương và một ống hút màu xanh lá cây gắn liền với ống hút màu trắng;

- 01 (Một) túi ni lông trong suốt hình chữ nhật, KT 3,2cm x 02 cm;

- 01 (Một) BKS: 11B1-173.4B;

- 01 (Một) chắn bùn xe bằng nhựa màu đen gắn BKS: 11B1- 142.8H;

- 01 (Một) BKS: 24S1- 003.6N.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang nằm tại kho tàng vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/11/2018.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Đỗ Ngô Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.960.162 đồng (*Sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn một trăm sáu mươi hai đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.113.087 đồng (*Ba triệu một trăm mười ba nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Đỗ Ngô Q, Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại Hoàng Duy H, Trương Văn T, Hoàng Văn V, Đoàn Thị S (Vắng mặt khi tuyên án) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị hại Bé Trung N (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị X, Hoàng Thị H (Vắng mặt khi tuyên án) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Trung N (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai